

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 24/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghiệp Hồng

Ông Nguyễn Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Doãn Đại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại Phòng xử A trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng S, tên gọi khác: C; sinh ngày 15/8/1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường C, Phường MM, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị P, có vợ và một con sinh năm 2016; tiền án: Không có, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 20/6/2013 UBND Quận 11 đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng do có hành vi gây mất an ninh trật tự (Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 20/6/2013); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/9/2017; có mặt;

2. Trần Văn H sinh ngày 05/8/1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường AC, Phường MB, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ văn hoá (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Dương Thị Ngọc T; tiền án: Ngày 23/9/2016 TAND huyện Bình Chánh xử phạt 09 tháng tù về tội "Giao cấu với trẻ em (Bản án số 268/2016/HSST ngày 23/9/2016), tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/9/2017; có mặt;

3. Phạm Hữu T sinh ngày 01/11/1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: đường DC, Phường MM, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ tiện;

trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hữu H và bà Nguyễn Thị L, có vợ và một con sinh năm 2014; tiền án: Không có, tiền sự: Ngày 10/3/2017 UBND Phường 11, Quận 11 áp dụng biện pháp giáo dục tại phường 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 10/3/2017); nhân thân: Ngày 31/8/2004 UBND Quận 11 đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng do có hành vi thường xuyên cùng đồng bọn cướp giật tài sản (Quyết định số 910/QĐ-UB ngày 31/8/2004); bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/9/2017; có mặt;

- Bị hại: Bà Lê Thị Minh T, sinh năm 1996; địa chỉ: đường D, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1967; địa chỉ: đường H, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ ngày 27/9/2017, bà Lê Thị Minh T điều khiển xe máy kiểu Future Neo, biển số 72N2-7913 đến để ở hẻm Phường MB, Quận M và vào cửa hàng tại Phường MB, Quận M làm việc. Đến 18 giờ cùng ngày, bà T ra lấy xe thì phát hiện bị mất xe. Đến 14 giờ ngày 29/9/2017, bà T đến Công an Phường MB, Quận M trình báo sự việc. Công an Phường MB, Quận M lập hồ sơ chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11 điều tra làm rõ.

Bản kết luận định giá tài sản số 109/KLĐGTS ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 11 kết luận: “một xe mô tô kiểu Future Neo, biển số 72N2-7913 đã qua sử dụng, trị giá là 3.800.000 đồng”.

Qua điều tra, Cơ quan điều tra Công an Quận 11 xác định Nguyễn Trọng S và Trần Văn H là hai đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô kiểu Future Neo, biển số 72N2-7913 của bà Lê Thị Minh T vào ngày 27/9/2017. Phạm Hữu T có hành vi tiêu thụ xe do S và H chiếm đoạt của bà T nên tiến hành bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Trọng S, Trần Văn H và Phạm Hữu T.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Trọng S và Trần Văn H khai nhận: Vào khoảng 14 giờ ngày 27/9/2017, S gặp H tại tiệm Internet NH địa chỉ số đường T, Phường MM, Quận M. Tại đây, S rủ H đi chiếm đoạt tài sản bán lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. H điều khiển xe máy biển số 61H8-8328 chở S ngồi phía sau đi qua nhiều tuyến đường tìm tài sản. Khi đi đến hẻm Phường MB, Quận 11, S thấy xe máy kiểu Future Neo, biển số 72N2-7913 không ai trông coi. H dừng xe đứng canh giới, còn S đi bộ đến dẫn xe máy biển số 72N2-7913. Do xe không có chìa khóa nên S ngồi lên xe biển số 72N2-7913 cho H điều khiển xe biển số 61H8-8328 đẩy về tiệm Internet. Sau đó, H đi về nhà. S đẩy xe về nhà đường C, Phường MM, Quận M thay đổi biển số xe 72N2-7913 bằng biển số xe 64F3-8046, rồi ném biển số 72N2-7913 trước nhà. S đẩy xe đi sửa trên đường V, phường T, quận P. Sau đó, S đến nhà Phạm Hữu T để bán xe vừa chiếm đoạt được. T đồng ý mua và yêu cầu cho xem xe. S dẫn T đến tiệm sửa xe. Tại đây hai bên thỏa thuận giá bán xe là 2.000.000

đồng. T đưa cho S 100.000 đồng tiền cọc và kêu S sau khi sửa xe xong gửi vào bãi giữ xe, lấy thẻ giữ xe giao cho T rồi nhận số tiền còn lại. S sửa xe xong cùng H đến bãi xe Bệnh viện Quận 11 gửi lấy phiếu giữ xe. H chở S đến tiệm Internet NH giao thẻ xe cho T. T lấy phiếu giữ xe và đưa cho S 1.800.000 đồng, còn 100.000 đồng T trừ tiền xăng. S và H ăn uống hết 350.000 đồng, rồi chia nhau H được 550.000 đồng, còn S 900.000 đồng. S và H tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Phạm Hữu T khai nhận: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 27/9/2017 T đang ở nhà thì S đến gặp và nói mới lấy trộm được xe máy kiểu Future Neo hỏi T có mua không. T đồng ý mua và yêu cầu xem xe. S dẫn T đến tiệm sửa xe trên đường V, phường T, Quận P xem xe và thỏa thuận giá bán xe là 2.000.000 đồng. T đưa cho S 100.000 đồng trả tiền sửa xe và kêu S đem xe đi gửi ở bãi lấy thẻ giữ xe giao cho T và nhận số tiền còn lại. Sau đó, S giao phiếu giữ xe cho T tại tiệm Internet NH. T giao cho S số tiền 1.800.000 đồng. Đến ngày 29/9/2017, T điện thoại cho Đoàn Tấn P hỏi bán xe. P yêu cầu xem xe. T dẫn P đến trước bãi xe Bệnh viện Quận 11, T vào bãi xe dẫn xe ra thì bị Công an Quận 11 mời làm việc và khai báo như trên.

Bản cáo trạng số 06/CTr-VKS ngày 29 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng S và Trần Văn H tội danh “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Phạm Hữu T tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo S, H, T có lời khai phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 trình bày lời luận tội, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng S từ 12 đến 18 tháng tù, Trần Văn H từ 12 đến 18 tháng tù, Phạm Hữu T từ 09 đến 12 tháng tù; buộc bị cáo H nộp lại số tiền 725.000 đồng và bị cáo S nộp lại số tiền 1.075.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước; trả lại cho bị cáo H một điện thoại di động Nokia 106; trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T một điện thoại di động Nokia 106 và một điện thoại di động hiệu Nokia 1202; tịch thu và tiêu hủy một thẻ giữ xe thông minh số 000497 và một biển số số xe 64F3-8046.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các tang vật thu giữ được. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Vào lúc 18 giờ 00 phút ngày 27/9/2017, tại hẻm Phường MB, Quận M, Nguyễn Trọng S và Trần Văn H đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô kiểu Future Neo, màu đen, biển số 72N2-7913, trị giá 3.800.000 đồng của bà Lê Thị Minh T. Sau đó, S và H bán chiếc xe đã chiếm đoạt được cho Phạm Hữu T với giá 2.000.000 đồng. Phạm Hữu T biết rõ xe do S và H phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua xe.

Các bị cáo nhận thức rõ được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì tính tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Nguyễn Trọng S và Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo Phạm Hữu T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo S là người rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H là người cung cấp phương tiện, đứng cảnh giới để S thực hiện hành vi phạm tội, tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Vai trò của các bị cáo trong vụ án này là ngang nhau. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm, tuy nhiên đó chỉ là sự câu kết giản đơn.

Bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có con nhỏ và là lao động chính trong gia đình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo.

Bị cáo H thành khẩn khai báo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo H.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo T.

Về tình tiết tăng nặng: Áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo H.

Buộc bị cáo H nộp lại số tiền 725.000 đồng và bị cáo S nộp lại số tiền 1.075.000 đồng do phạm tội mà có để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Một xe máy gắn kiềng dáng Future Neo gắn biển số 64F3-8046 có số máy: VTT29JL1P52FMH037854, số khung: RRKWCH1UM8XN37854 và biển số xe 72N2-7913. Bị cáo S khai nhận: Vào khoảng một tháng trước đến chơi tại công viên Lãnh Binh Thăng và nhặt được biển số 64F3-8046 đem về nhà cất giữ. Qua xác minh biển số kiểm soát 64F3-8046 được cấp cho ông Nguyễn Hoàng N. Ông N khai nhận xe máy biển số 64F3-8046 bị mất vào tháng 8/2017 tại đường H, Phường MH, Quận M. Do xe đã cũ, giá trị thấp nên ông N không đến Cơ quan Công an trình báo sự việc và cũng không yêu cầu nhận lại biển số xe. Tiến hành xác minh số máy, số khung xác định của xe máy biển số 72N2-7913 do ông Phạm Thế H đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Năm 2014, ông H bán xe trên cho bà Lê Thị Minh T. Cơ quan điều tra Công an Quận 11 ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trao trả biển số xe 72N2-7913 và xe máy có số máy: VTT29JL1P52FMH037854, số khung: RRKWCH1UM8XN37854 cho bà Lê Thị Minh T. Bà T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm

nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng biển số xe 64F3-8046 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Một xe máy biển số 61H8-8328, số máy: VVNZS152-FMH005681, số khung: VVNZS152 tạm giữ của Phạm Hữu T. Cơ quan điều tra Công an Quận 11 tiến hành trưng cầu giám định xe. Kết luận xác định xe có số khung, số máy không đổi do ông Lưu Thanh T đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Vào tháng 3/2017 ông T bán xe cho ông Trần Hoàng K (chú của bị cáo Trần Văn H). Ông K khai nhận: Vào ngày 27/9/2017, H mượn xe đi công việc, sau đó H sử dụng xe đi trộm cắp tài sản ông K không biết. Cơ quan điều tra Công an Quận 11 ra quyết định xử lý vật chứng và lập biên bản trả xe lại ông K và ông K không yêu cầu bồi thường.

- Một thẻ giữ xe thông minh số 000497 không còn giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Một điện thoại di động hiệu Nokia 106, thu giữ bị cáo H không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

- Một điện thoại di động hiệu Nokia 106 và một điện thoại di động hiệu Nokia 1202, thu giữ của bị cáo T không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

2. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 11, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 45; khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Trọng S;

Căn cứ vào Điều 45; khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn H;

Căn cứ vào Điều 45; khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 106, khoản 2 Điều 136,

Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Phạm Hữu T,

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng S và Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Hữu T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng S 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2017.

Buộc bị cáo H nộp lại số tiền 725.000 đồng và bị cáo S nộp lại số tiền 1.075.000 đồng để tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo H một điện thoại di động Nokia 106 số sê ri 355762067439212;

Trả lại cho bị cáo Phạm Hữu T một điện thoại di động Nokia 106 số sê ri 359997051863540 và một điện thoại di động hiệu Nokia 1202 số sê ri 352751013384004;

Tịch thu và tiêu hủy một thẻ giữ xe thông minh số 000497 và một biển số xe 64F3-8046;

(Theo Lệnh nhập kho vật chứng số 249/LNK-CSHS ngày 04/10/2017)

Án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND - VKSND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Công an TP.HCM;
- VKSND Q.11;
- Công an Q.11;
- Chi cục THADS Q.11;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Ánh Loan